

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Ông Võ Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận C, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-8-2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 03-6-2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3470/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Diệu L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 47/5A đường Phú Thọ, Phường A, Quận B, Thành phố H

- Bị đơn: Ông Tô Quang H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 44B đường Bùi Thị Xuân, Phường BT, Quận C, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trần Ngọc Diệu L nguyên đơn trình bày:**

Bà và ông Tô Quang H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, Quận B (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển 01/2014 ngày 25-02-2014).

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn, do lối sống của đôi phương không phù hợp với gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11-2018 do tranh cãi đến đỉnh điểm. Nay bà L nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tô Hồng A, sinh ngày 21-8-2014 và Tô Trâm A, sinh ngày 18-01-2018. Bà L yêu cầu được nuôi 02 con, cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ông Tô Quang H là bị đơn trình bày:*

Ông xác nhận trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Ông nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tô Hồng A, sinh ngày 21-8-2014 và Tô Trâm A, sinh ngày 18-01-2018. Ông H yêu cầu được nuôi con Tô Hồng A và đồng ý giao con Tô Trâm A cho bà L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H; Về con chung: Giao Bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tô Trâm A, giao ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tô Hồng A, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn là ông Tô Quang H, cư trú tại Số 44B đường Bùi Thị Xuân, Phường BT, Quận C, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố H.

[2] Bà Trần Ngọc Diệu L và ông Tô Quang H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, Quận B (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền 01/2014 ngày 25-02-2014) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn

[4] Theo nguyên đơn trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn, do lối sống của bị đơn không phù hợp với gia đình. Tháng 11-2018, mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm, hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn để ổn định cuộc sống. Phía bị đơn xác nhận quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận ly hôn của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Tô Hồng A, sinh ngày 21-8-2014 và Tô Trâm A, sinh ngày 18-01-2018. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi 02 con, cấp dưỡng do hai bên tự thoả thuận. Phía bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Tô Hồng A sinh ngày 21-8-2014.

[6] Xét thấy, nguyện vọng của bị đơn mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nhằm đảm bảo cho các con đều được nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất của cha và mẹ. Đây cũng là trách nhiệm chung của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau ly hôn trong việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, phù hợp với quy định tại Điều 71; Điều 72 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bị đơn giao con chung Tô Hồng A cho bị đơn nuôi dưỡng. Đối với trẻ Tô Trâm A, hai bên thống nhất giao cho bà L nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thoả thuận.

[8] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[9] Về nợ chung: Hai bên khai không có

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 56, 57, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Ngọc Diệu L và ông Tô Quang H (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp ngày 25-02-2014).

Về con chung: Giao con chung tên Tô Trâm A, sinh ngày 18-01-2018 cho bà Trần Ngọc Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Tô Hồng A, sinh ngày 21-8-2014 cho ông Tô Quang H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí AA/2018/0007570 ngày 29-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C; Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm